

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phó Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91~97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 07 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : +84 (274) 3751 501

Fax : +84 (274) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện

- Chi nhánh Vĩnh Long

- Chi nhánh quận 8

- Chi nhánh Tp. HCM

- Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ

Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM

42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế.).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014	
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014	
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	20/06/2018	

4.2 Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014	
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014	
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	26/06/2018	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP – NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Thiên Chương	Tổng Giám đốc	03/07/2018	
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/03/2017	
Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	01/11/2019	
Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc Tài chính	08/01/2019	01/11/2019
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	01/03/2019	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm này là ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

7 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

8 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



LÂM QUY CHƯƠNG – Chủ tịch HĐQT

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.



Số: 2165/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020 (từ trang 08 đến trang 40), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		383.141.395.759	452.523.969.890
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	19.950.618.642	40.623.417.165
111	1. Tiền		19.950.618.642	40.623.417.165
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		62.589.040.064	27.344.430.036
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	62.589.040.064	27.344.430.036
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		183.154.900.341	172.764.028.354
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	144.194.159.629	119.944.484.108
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	29.682.787.559	33.330.983.275
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	5.830.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	4.765.913.360	5.630.977.313
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.317.960.207)	(1.142.416.342)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	116.467.166.181	200.863.747.446
141	1. Hàng tồn kho		123.844.416.694	206.734.694.357
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(7.377.250.513)	(5.870.946.911)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		979.670.531	10.928.346.889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		979.670.531	10.928.346.889
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		191.717.677.554	189.242.361.968
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		36.641.897.793	6.202.136.648
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	26.417.787.793	6.202.136.648
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	10.224.110.000	-
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		112.699.826.722	139.517.637.549
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	96.239.936.335	122.309.160.921
222	- Nguyên giá		283.625.360.977	308.762.045.879
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(187.385.424.642)	(186.452.884.958)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	16.459.890.387	17.208.476.628
228	- Nguyên giá		19.917.950.483	19.917.950.483
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.458.060.096)	(2.709.473.855)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	36.000.000.000	36.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		36.000.000.000	36.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.375.953.039	7.522.587.771
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	6.375.953.039	7.522.587.771
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		574.859.073.313	641.766.331.858

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		334.201.777.633	409.282.286.508
310	I. Nợ ngắn hạn		332.057.037.633	405.940.466.508
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	95.121.955.970	116.850.196.741
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	13.038.299.377	2.262.684.219
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.528.609.700	1.651.691.288
314	4. Phải trả người lao động		1.751.431.100	2.421.424.610
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	514.707.907	812.352.899
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	2.283.652.292	11.553.990.022
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	216.136.569.009	267.901.964.696
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	1.681.812.278	2.486.162.033
330	II. Nợ dài hạn		2.144.740.000	3.341.820.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	2.144.740.000	3.341.820.000
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		240.657.295.680	232.484.045.350
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	240.657.295.680	232.484.045.350
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(3.811.929.315)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.403.483.592	13.300.417.851
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.681.621.403	7.799.507.499
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		17.593.376.017	5.738.192.677
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.088.245.386	2.061.314.822
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		574.859.073.313	641.766.331.858


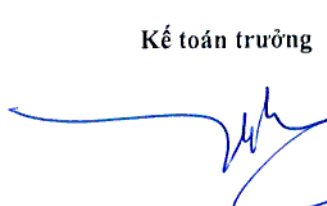
Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

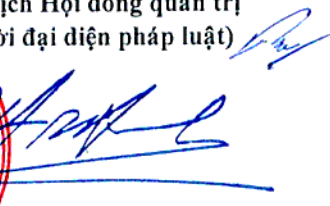
Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TÂM

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

LÂM QUY CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	981.049.813.413	895.239.595.174
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		727.780.227	74.140.055
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		980.322.033.186	895.165.455.119
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	916.570.090.581	849.247.453.322
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.751.942.605	45.918.001.797
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.757.019.178	3.373.431.293
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	18.975.240.774	19.411.007.800
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.585.910.360	18.654.410.059
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	25.811.493.449	23.540.882.051
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.074.791.752	19.021.360.951
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.647.435.808	(12.681.817.712)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	43.572.624	17.342.318.345
32	12. Chi phí khác	VI.8	696.061.283	19.741.529
40	13. Lợi nhuận khác		(652.488.659)	17.322.576.816
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.994.947.149	4.640.759.104
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	906.701.763	2.579.444.282
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.088.245.386	2.061.314.822
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	102	98
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	102	98

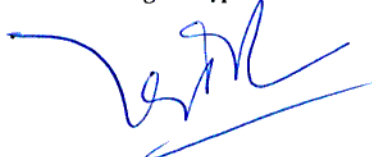
Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TÂM



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG



LÂM QUY CHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

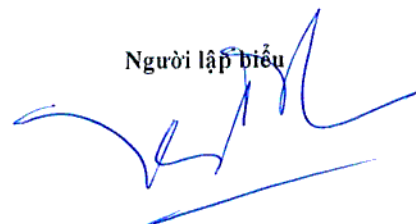
DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.994.947.149	4.640.759.104
	2. Điều chỉnh cho các khoản		33.437.843.822	6.926.979.765
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.11	16.646.543.356	22.964.095.990
03	- Các khoản dự phòng		1.681.847.467	(8.611.814.390)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		63.146.754	86.651.016
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.539.604.115)	(26.166.362.910)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	18.585.910.360	18.654.410.059
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.432.790.971	11.567.738.869
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.524.871.238)	1.774.048.646
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		82.890.277.663	(69.484.460.377)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(18.498.816.173)	(7.189.388.791)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.146.634.732	(437.832.248)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.071.202.453)	(18.594.168.893)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(993.291.149)	(1.202.270.402)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.000.000	55.000.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(909.415.496)	(3.089.517.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48.474.106.857	(86.600.850.196)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9	(2.733.903.355)	(16.553.437.702)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	12.945.170.826	20.561.192.229
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96.673.997.815)	(42.789.012.371)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		70.599.387.787	15.444.582.335
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	3.499.604.115	3.116.849.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.363.738.442)	(20.219.826.246)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(3.811.929.315)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	757.312.177.790	773.270.253.443
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(810.274.653.477)	(782.236.311.996)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(797.453.247)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(56.774.405.002)	(9.763.511.800)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(20.664.036.587)	(116.584.188.242)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	40.623.417.165	157.294.256.423
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.761.936)	(86.651.016)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	19.950.618.642	40.623.417.165

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

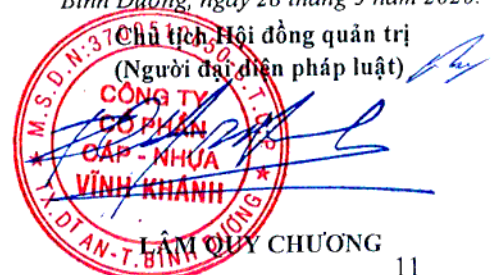
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN TÂM

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



LÂM QUÝ CHƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lớp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lớp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 113 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 157 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này

được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vỏ xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.110 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.230 VND/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	103.473.043	338.118.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	19.847.145.599	40.285.298.747
Cộng	<u>19.950.618.642</u>	<u>40.623.417.165</u>

^(*)Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình	5.098.148.934	5.823.729.727
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn	3.586.585.335	3.010.218.873
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi Nhánh 1	2.502.126.473	8.933.537.505
Các ngân hàng khác	8.660.284.857	22.517.812.642
Cộng	<u>19.847.145.599</u>	<u>40.285.298.747</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn	23.282.824.305	22.344.430.036
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình	23.800.000.000	5.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Dương	10.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	5.506.215.759	-
Cộng^(*)	<u>62.589.040.064</u>	<u>27.344.430.036</u>

^(*)Chủ yếu là các khoản tiền tiết kiệm có thời gian đáo hạn trên 03 tháng đến 12 tháng. Trong đó: giá trị tiền gửi tiết kiệm dùng để thế chấp cho các khoản vay là 47.300.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	144.194.159.629	119.944.484.108
- Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh	22.617.162.031	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	21.962.928.195	-
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	7.440.825.522	14.467.860.602
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	13.373.175.484	5.521.773.926
- Công ty TNHH TM DV Thiên Thanh Thảo	3.250.903.045	4.112.499.341
- Công ty CP Viễn thông FPT	2.296.676.800	2.613.506.500
- Trung tâm Cung ứng Vật tư – Viễn thông Tp. Hồ Chí Minh	1.284.402.535	2.287.279.148
- Các khách hàng khác	71.968.086.017	90.941.564.591
Cộng (*)	144.194.159.629	119.944.484.108

(*) Toàn bộ các khoản nợ phải thu ngắn hạn luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.18.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	26.417.787.793	6.202.136.648
- Công Ty TNHH Đầu Tư Công Nghệ Smart City ⁽¹⁾	18.068.526.690	-
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức ⁽²⁾	8.349.261.103	6.202.136.648
Cộng ⁽³⁾	26.417.787.793	6.202.136.648

⁽¹⁾ Là khoản phải thu về tiền bán hàng hoá cho Công Ty TNHH Đầu Tư Công Nghệ Smart City. Thời hạn thu hồi nợ trong vòng 3,5 năm kể từ thời điểm phát sinh công nợ.

⁽²⁾ Là khoản phải thu về tiền bán tài sản cố định và hàng hoá cho Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức. Thời hạn thu hồi nợ trong vòng 3,5 năm kể từ tháng 5 năm 2018.

⁽³⁾ Toàn bộ các khoản nợ phải thu dài hạn luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	29.682.787.559	33.330.983.275
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Luxhouse ⁽¹⁾	8.700.000.000	8.700.000.000
- Công ty CP TM DV XD BĐS Mét Vương Vàng ⁽²⁾	1.960.000.000	6.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ⁽³⁾	4.169.485.034	4.169.485.132
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	11.572.477.301	9.883.735.864
- Các người bán khác	3.280.825.224	4.577.762.279
Cộng	29.682.787.559	33.330.983.275

⁽¹⁾ Là khoản trả tiền trước để tư vấn hồ sơ, thủ tục pháp lý theo Hợp đồng số 261A/2018/HDDVTV ngày 03/11/2018. Thời gian hợp đồng: khi công việc tư vấn chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn thành.

⁽²⁾ Là khoản trả tiền trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm nhà kho chứa vỏ xe (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 066082, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17 và số BE 722716, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An) theo Hợp đồng mua đất ngày 05/07/2018. Thời hạn hợp đồng: trong vòng 360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

⁽³⁾ Là khoản trả tiền trước để mua vỏ xe theo Hợp đồng số 160/VK-TK-2018 ngày 02/06/2018. Thời gian giao hàng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác</i>	5.830.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên ^(*)	5.830.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	-	5.000.000.000
Cộng	5.830.000.000	15.000.000.000

^(*) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/16 ngày 10/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.2/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.765.913.360	-	5.630.977.313	-
- Tạm ứng cho nhân viên	1.307.941.055	-	2.357.034.888	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn ^(*)	1.530.358.240	-	1.955.192.425	-
- Phải thu khác	1.927.614.065	-	1.318.750.000	-
Cộng	4.765.913.360	-	5.630.977.313	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.224.110.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn ^(*)	10.224.110.000	-	-	-
Cộng	10.224.110.000	-	-	-

^(*) Là khoản tiền đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của sổ đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019. Thời hạn hợp đồng trên 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.142.416.342)	(1.340.998.415)
Trích lập dự phòng bổ sung	(315.285.864)	-
Hoàn nhập dự phòng	139.741.999	198.582.073
Xóa nợ đã trích lập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(1.317.960.207)	(1.142.416.342)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.915.378.941	597.418.734		1.932.440.686	790.024.344
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	Trên 2 năm, dưới 3 năm	992.039.033	339.611.710	Trên 1 năm, dưới 2 năm	1.092.039.033	546.019.517
- Công ty Đồ gỗ Mộc Dương Gia	Trên 2 năm, dưới 3 năm	488.009.654	146.402.896	Trên 1 năm, dưới 2 năm	488.009.654	244.004.827
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	222.680.254	111.404.128	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	-	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	212.650.000	-	Trên 3 năm	352.391.999	-
Cộng		1.915.378.941	597.418.734		1.932.440.686	790.024.344

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định theo quy định hiện hành.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	19.835.168.811	(1.160.790.137)	25.403.279.091	(116.362.074)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.107.907.299	-	3.639.135.898	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	41.934.565.134	(4.406.822.810)	29.827.760.126	(3.024.356.108)
- Hàng hóa ⁽³⁾	57.966.775.450	(1.809.637.566)	147.864.519.242	(2.730.228.729)
Cộng	123.844.416.694	(7.377.250.513)	206.734.694.357	(5.870.946.911)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là sợi quang, dây thép dùng để sản xuất cáp đồng, cáp mạng lan.

⁽²⁾ Thành phẩm cuối năm chủ yếu là cáp đồng, cáp mạng lan.

⁽³⁾ Hàng hoá cuối năm chủ yếu là vỏ xe.

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm	67.967.251.167	221.164.772.022	14.749.410.446	4.298.227.090	582.385.154	308.762.045.879
- Mua trong năm	2.470.025.855	263.877.500	-	-	-	2.733.903.355
- Thanh lý	-	(26.827.092.494)	(96.000.000)	(947.495.763)	-	(27.870.588.257)
Số cuối kỳ	70.437.277.022	194.601.557.028	14.653.410.446	3.350.731.327	582.385.154	283.625.360.977
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm	15.241.925.852	159.253.309.812	9.546.719.291	2.014.584.546	396.345.457	186.452.884.958
- Khấu hao trong năm	3.533.922.586	10.447.130.449	1.369.460.882	450.379.008	97.064.190	15.897.957.115
- Thanh lý	-	(14.535.776.606)	(65.333.330)	(364.307.495)	-	(14.965.417.431)
Số cuối năm	18.775.848.438	155.164.663.655	10.850.846.843	2.100.656.059	493.409.647	187.385.424.642
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.725.325.315	61.911.462.210	5.202.691.155	2.283.642.544	186.039.697	122.309.160.921
Số cuối năm	51.661.428.584	39.436.893.373	3.802.563.603	1.250.075.268	88.975.507	96.239.936.335

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 91.259.273.456 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 33.257.263.651 đồng (xem tại thuyết minh V.18).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
-Số đầu năm	19.448.977.077	468.973.406	19.917.950.483
-Mua trong năm	-	-	-
-Thanh lý	-	-	-
Số cuối năm	19.448.977.077	468.973.406	19.917.950.483
Giá trị hao mòn			
-Số đầu năm	2.310.500.448	398.973.407	2.709.473.855
-Khấu hao trong năm	736.586.241	12.000.000	748.586.241
Số cuối năm	3.047.086.689	410.973.407	3.458.060.096
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.138.476.629	69.999.999	17.208.476.628
Số cuối năm	16.401.890.388	57.999.999	16.459.890.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 372.973.406 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 1.074.555.381 đồng (xem tại thuyết minh V.18).

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, thuộc tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 6/8/2023.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 2ba8. Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng (**)	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(**) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cấp.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất	1.769.353.844	1.815.462.596
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	4.606.599.195	5.707.125.175
Cộng (*)	6.375.953.039	7.522.587.771

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.522.587.771	7.014.453.981
Phát sinh trong năm	4.525.962.469	4.416.133.595
Phân bổ trong năm	(5.672.597.201)	(3.907.999.805)
Cộng	6.375.953.039	7.522.587.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	95.121.955.970	95.121.955.970	116.850.196.741	116.850.196.741
- Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh	6.911.000.000	6.911.000.000	-	-
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân Việt Nam	55.982.120.060	53.402.074.340	89.458.626.856	89.458.626.856
- Maxxis International (Thailand) Co.,Ltd	4.130.088.452	6.710.134.172	18.304.163.716	18.304.163.716
- Công ty TNHH TMDV Smart Road	10.025.256.750	10.025.256.750	-	-
- Các người bán khác	18.073.490.708	18.073.490.708	9.087.406.169	9.087.406.169
Cộng	95.121.955.970	95.121.955.970	116.850.196.741	116.850.196.741

Trong đó nợ phải trả quá hạn: 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	13.038.299.377	2.262.684.219
- Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh	13.000.000.000	-
- Công ty CP Cơ điện CDME	-	1.867.340.882
- Các người mua khác	38.299.377	395.343.337
Cộng	13.038.299.377	2.262.684.219

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	6.919.924.030	(6.919.924.030)	-	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	6.844.327.524	(6.844.327.524)	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	33.375.994	-	105.323.823	(138.699.817)	-	-
- Thuế TNDN	1.603.311.094	-	906.701.763	(993.291.149)	1.516.721.708	-
- Thuế TNCN	15.004.200	-	352.113.936	(355.230.144)	11.887.992	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	1.651.691.288	-	15.131.391.076	(15.254.472.664)	1.528.609.700	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.994.947.149	4.640.759.104
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.538.561.665	2.245.110.297
+ Chi phí không được trừ	1.538.561.665	2.245.110.297
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.533.508.814	6.885.869.401
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo KQKD trong năm	906.701.763	1.377.173.880
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	-	1.202.270.402
Tổng Thuế TNDN phải nộp	906.701.763	2.579.444.282

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	514.707.907	586.352.899
- Chi phí phải trả khác	-	226.000.000
Cộng	514.707.907	812.352.899

17. Phải trả ngắn hạn khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả (*)	1.439.115.400	11.439.115.400
- Phải trả khác	844.536.892	114.874.622
Cộng	2.283.652.292	11.553.990.022

(*) Cổ tức phải trả cuối năm giảm 10.000.000.000 đồng so với số đầu năm là do hoàn lại cổ tức phải trả năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 128NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/5/2019.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	216.136.569.009	216.136.569.009	267.901.964.696	267.901.964.696
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn ⁽¹⁾	39.990.584.818	39.990.584.818	16.714.946.275	16.714.946.275
- Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP HCM ⁽²⁾	22.711.400.545	22.711.400.545	57.638.780.881	57.638.780.881
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai ⁽³⁾	22.001.073.552	22.001.073.552	34.702.696.661	34.702.696.661
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM ⁽⁴⁾	22.768.929.740	22.768.929.740	32.914.880.911	32.914.880.911
- Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình ⁽⁵⁾	23.012.509.600	23.012.509.600	8.575.509.580	8.575.509.580
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi Nhánh 1 ⁽⁶⁾	59.971.908.025	59.971.908.025	79.691.697.858	79.691.697.858
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp.HCM ⁽⁷⁾	5.836.879.994	5.836.879.994	-	-
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương ⁽⁸⁾	19.843.282.735	19.843.282.735	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM	-	-	37.663.452.530	37.663.452.530
Cộng	216.136.569.009	216.136.569.009	267.901.964.696	267.901.964.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0479.HDTD.VIB625.18 ngày 18/10/2018 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0479.PLHDTD.VIB625.19. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 58, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hoà, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thuê lại đất số 19/2014/HĐTD -BM; Hợp đồng tiền gửi của Công ty VIB phát hành trị giá tối thiểu 13.500.000.000 đồng; Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu 60.000.000.000 đồng.(xem tại thuyết minh V.2, V.8).
- (2) Là khoản vay Ngân Hàng BPCE IOM (tên cũ là Ngân hàng Natixis) – Chi nhánh Tp. HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000451-2019 ngày 24/4/2019. Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển cuối năm (xem tại thuyết minh V.3a, V.3b, V.8).
- (3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 343/2019/HDTD ngày 25/07/2019. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Do ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT) bảo bằng 3.035.602 cổ phiếu Công ty CP Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh.
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CÁL/18176 ngày 15/01/2019. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo bởi chứng chỉ bảo lãnh của cá nhân ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD; Hàng hóa tồn kho luân chuyển với giá trị 1.200.000 USD; Máy móc thiết bị giá trị tương đương 9,5 tỷ đồng (xem tại thuyết minh V.8, V.9).
- (5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 0031/2020/HĐTD-OCB-DN ngày 22/02/2020. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng OCB, với giá trị là 23.800.000.000 đồng; dây chuyền sản xuất cáp viễn thông phi 60; dây chuyền sản xuất cáp viễn thông phi 50; máy đùn nhựa phi 60mm; máy sản xuất tấm nhựa PVC; máy xoắn đôi 500P, dây chuyền sơn tấm Foam nhựa; Máy CNC cắt tấm Foam nhựa. máy tạo hạt PVC; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải - thùng kín số 61C - 213.59. (xem tại thuyết minh V.2, V.9).
- (6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 1 Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 088/2018- HĐCVHM/NHCT902-VCOM ngày 28/09/2018. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8), phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (xem tại thuyết minh V.10).
- (7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 19417.19.101.301602.TD ngày 12/04/2019. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số AL 527855, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh. (xem tại thuyết minh V.10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

⁽⁸⁾Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương, theo Hợp đồng cho vay theo Thư chấp nhận cấp tín dụng số 1827/BDU-KHDN ngày 22/11/2019. Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Khoản tiền gửi tại VCB Bình Dương với giá trị là 10.000.000.000 đồng; Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu 10.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.8)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.144.740.000	2.144.740.000	3.341.820.000	3.341.820.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	1.048.240.000	1.048.240.000	1.923.500.000	1.923.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN quận 11 ⁽²⁾	1.096.500.000	1.096.500.000	1.418.320.000	1.418.320.000
Cộng	2.144.740.000	2.144.740.000	3.341.820.000	3.341.820.000

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 0031/2020/HĐTD-OCB-DN ngày 22/02/2020 Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng OCB, với giá trị là 23.800.000.000 đồng; dây chuyền sản xuất cáp viễn thông phi 60; dây chuyền sản xuất cáp viễn thông phi 50; máy đùn nhựa phi 60mm; máy sản xuất tấm nhựa PVC; máy xoắn đôi 500P, dây chuyền sơn tấm Foam nhựa; Máy CNC cắt tấm Foam nhựa. máy tạo hạt PVC; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải - thùng kín số 61C - 213.59. (xem tại thuyết minh V.2, V.9).

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN quận 11, hợp đồng cho vay số SME/Q11/18/0045/HĐTD ngày 29/10/2018. Số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô Volkswagen Sharan. Thời hạn vay: 48 tháng. Tài sản thế chấp: xe ô tô Volkswagen Sharan biển số 61A-531.43 (xem tại thuyết minh V.9).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	2.486.162.033	5.108.613.208
- Trích lập trong năm	103.065.741	412.065.825
- Tăng khác trong năm	2.000.000	55.000.000
- Sử dụng trong năm	(909.415.496)	(3.089.517.000)
Số dư cuối năm	1.681.812.278	2.486.162.033

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

20. Vốn chủ sở hữu**20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại Phụ lục số 01.

20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia ^(*)	-	10.000.000.000

^(*) Cổ tức phải trả cuối năm giảm 10.000.000.000 đồng so với số đầu năm là do hoàn lại cổ tức phải trả năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/5/2019.

20.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	721.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.279.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20.4. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối Lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/05/2019, chi tiết như sau:

Chi tiết gồm:

	Số tiền
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	103.065.741
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	103.065.741
- Chia cổ tức	-
Cộng	206.131.482

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

21. Tài khoản ngoài bảng*Nợ khó đòi đã xóa*

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	<u>5.004.879.304</u>	<u>5.004.879.304</u>

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	55.847,30	23.156,14

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	974.577.559.582	871.572.176.772
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.472.253.831	5.330.555.456
- Doanh thu bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	-	18.336.862.946
Cộng	<u>981.049.813.413</u>	<u>895.239.595.174</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng bán	908.610.479.346	834.265.324.790
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	4.395.841.100	3.515.219.458
- Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	-	12.191.569.994
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.336.591.302	2.473.216.458
- Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(2.830.287.700)	(10.886.448.775)
- Chi phí sản xuất vượt định mức	2.057.466.533	7.688.571.397
Cộng	<u>916.570.090.581</u>	<u>849.247.453.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	3.499.604.115	3.116.849.263
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	186.956.951	211.291.850
- Khác	70.458.112	45.290.180
Cộng	<u>3.757.019.178</u>	<u>3.373.431.293</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	18.585.910.360	18.654.410.059
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	389.330.414	756.597.741
Cộng	<u>18.975.240.774</u>	<u>19.411.007.800</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	3.195.747.916	10.240.879.858
- Chi phí công cụ, dụng cụ	48.810.750	406.861.056
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.884.654.736	1.885.695.123
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	20.682.280.047	11.007.446.014
Cộng	<u>25.811.493.449</u>	<u>23.540.882.051</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	5.330.259.280	5.644.012.692
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.167.468.121	1.012.103.352
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	315.285.864	
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(139.741.999)	(198.582.073)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.401.520.486	12.563.826.980
Cộng	<u>19.074.791.752</u>	<u>19.021.360.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch TSCĐ đem đi góp vốn	-	16.912.255.424
+ Định giá lại TSCĐ góp vốn	-	36.000.000.000
+ Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	-	(19.087.744.576)
- Lãi từ thanh lý TSCĐ	40.000.000	-
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	12.945.170.826	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(12.905.170.826)	-
- Thu nhập khác	3.572.624	430.062.921
Cộng	43.572.624	17.342.318.345

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ từ thanh lý TSCĐ	-	8.034.729
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	-	2.224.329.283
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	(2.232.364.012)
+ Chi phí phạt vi phạm và phạt chậm nộp	695.642.883	-
- Chi phí khác	418.400	11.706.800
Cộng	696.061.283	19.741.529

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.088.245.386	2.061.314.822
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(104.412.269)	(103.065.741)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.983.833.117	1.958.249.081
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp) (**)	19.368.666	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	102	98

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/05/2019.
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/05/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

()** Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Số lượng CP	Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm
Số đầu năm	20.000.000	20.000.000
Giảm trong năm	(721.000)	(631.334)
Cộng số lượng CP lưu hành bình quân trong năm		19.368.666

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.088.245.386	2.061.314.822
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(104.412.269)	(103.065.741)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.983.833.117	1.958.249.081
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	19.368.666	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	102	98

^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/05/2019. Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/05/2019.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.046.142.105	126.138.742.503
- Chi phí nhân công	17.079.248.808	23.140.578.108
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.646.543.356	22.964.095.990
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	39.348.942.665	32.323.879.891
Cộng	210.129.026.934	204.567.296.492

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	757.312.177.790	773.270.253.443
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	757.312.177.790	773.270.253.443

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(810.274.653.477)	(782.236.311.996)
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	(810.274.653.477)	(782.236.311.996)

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao	2.087.520.000	2.885.074.000
Cổ tức được nhận	-	-
Cộng	2.087.520.000	2.885.074.000

Tài sản đảm bảo:

Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng quản trị) sử dụng tài sản thuộc cá nhân của ông Lâm Quy Chương để bảo lãnh cho các khoản vay, bao gồm: 3.035.602 cổ phiếu Công ty Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh, chứng chỉ bảo lãnh với giá trị 1.500.000 USD (chi tiết xem tại thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cấp.
- Hàng hóa: là vỏ xe, ống nhựa, cáp điện, tấm foarm, ống luồn dây điện, ...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• Năm nay

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	973.849.779.355	6.472.253.831	980.322.033.186
- Giá vốn hàng bán	908.610.479.346	4.395.841.100	913.006.320.446
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.336.591.302	-	4.336.591.302
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.830.287.700)	-	(2.830.287.700)
- Chi phí sản xuất vượt định mức	2.057.466.533	-	2.057.466.533
Lợi nhuận gộp	61.675.529.874	2.076.412.731	63.751.942.605

• Năm trước

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Bán bất động sản và các tài sản trên đất	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	871.498.036.717	5.330.555.456	18.336.862.946	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	834.265.324.790	3.515.219.458	12.191.569.994	849.972.003.311
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.473.216.458	-	-	2.473.216.458
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.886.448.775)	-	-	(10.886.448.775)
- Chi phí sản xuất vượt định mức	7.688.571.397	-	-	7.688.682.328
Lợi nhuận gộp	37.957.372.847	1.815.335.998	6.145.292.952	45.918.001.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khu vực địa lý

• Năm nay

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng, và cung cấp dịch vụ	914.086.674.036	66.235.359.150	980.322.033.186
- Giá vốn hàng bán	860.714.434.786	55.855.655.795	916.570.090.581
Lợi nhuận gộp	53.372.239.250	10.379.703.355	63.751.942.605

• Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	859.452.610.579	35.712.844.540	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	820.677.177.690	28.570.275.632	849.247.453.322
Lợi nhuận gộp	38.775.432.889	7.142.568.908	45.918.001.797

5. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.18). Giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2019 dùng để thế chấp là 368.710.932.635 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.3a, V.3b, V.8, V.9, V.10) và Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT) dùng tài sản của cá nhân để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem tại thuyết minh VIII.3).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

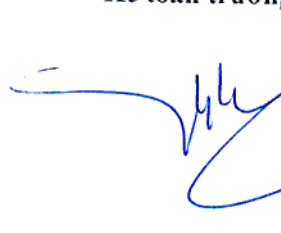
Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Người đại diện pháp luật)



NGUYỄN VĂN TÂM



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG



LÂM QUY CHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Tại ngày 01/01/2018	200.000.000.000	11.384.120.000	-	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
Tăng trong năm	-	-	-	412.065.825	2.061.314.822	2.473.380.647
- Lãi trong năm	-	-	-	-	2.061.314.822	2.061.314.822
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	412.065.825	-	412.065.825
Giảm trong năm	-	-	-	-	(10.824.131.650)	(10.824.131.650)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	200.000.000.000	11.384.120.000	-	13.300.417.851	7.799.507.499	232.484.045.350
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Tại ngày 01/01/2019	200.000.000.000	11.384.120.000	-	13.300.417.851	7.799.507.499	232.484.045.350
Tăng trong năm	-	-	-	103.065.741	12.088.245.386	12.191.311.127
- Lãi trong năm	-	-	-	-	2.088.245.386	2.088.245.386
- Hoàn lại cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 128NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2019 ngày 20/5/2019	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	103.065.741	-	103.065.741
Giảm trong năm	-	-	(3.811.929.315)	-	(206.131.482)	(4.018.060.797)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(103.065.741)	(103.065.741)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(103.065.741)	(103.065.741)
Giảm khác	-	-	(3.811.929.315)	-	-	(3.811.929.315)
Tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.403.483.592	19.681.621.403	240.657.295.680

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN TÂM

NGUYỄN THỊ THÚY HÀNG

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2020.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)



